

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC HẠ VỪA
(Từ ngày 01 đến 15/10/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-80mm, có nơi trên 100mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 39%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy trên sông Lô tăng so với giai đoạn trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang thấp hơn khoảng 76% so với TBNN cùng kỳ. + Sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng do chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên và có mưa trên lưu vực; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình ở mức thấp hơn 31% so với TBNN cùng kỳ. + Trên sông Hồng: Trong 15 ngày qua mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội có 01 đợt dao động từ ngày 16-18/9 do ảnh hưởng mưa trên lưu vực, sau biến đổi chậm với xu thế xuống dần; chịu ảnh hưởng của thủy triều và dao động theo điều tiết thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội thấp hơn TBNN cùng kỳ 13%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-40mm, có nơi cao hơn 80mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái dự báo giảm so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%. + Trên sông Lô: Lượng dòng chảy trên sông Lô tại Tuyên Quang thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 49%. + Sông Đà: Lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế tăng so với 15 ngày qua; tổng lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình 15 ngày tới dự báo ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 34%. + Trên sông Hồng: Lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa thượng lưu và chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo thấp hơn TBNN cùng kỳ 27%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 30-60mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy có xu thế biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước, tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại trạm Gia Bảy ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ 6%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy có xu thế biến đổi chậm và giảm so với kỳ trước. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ 71%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-40mm, có nơi cao hơn 80mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: Lượng dòng chảy giảm so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn TBNN cùng kì 16%. + Trên sông Lục Nam: Lượng dòng chảy có khả năng giảm so với kì trước, tổng lượng dòng chảy tại Chũ thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 76%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm; có nơi cao hơn như Vinh (Nghệ An) 709mm, Đồng Hới (Quảng Trị) 442mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa cuối tháng 9/2026, trên các sông trong khu vực xuất hiện 01 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng hơn so với nửa đầu tháng 9. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 77%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 5%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 14%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (TP Huế) tại trạm Thượng Nhật ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc lưu vực phổ biến 30-60mm, phía Nam 100-200mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong nửa đầu tháng 10/2026, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với nửa cuối tháng 9. Tổng lượng

dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy thấp hơn TBNN cùng kỳ khoảng 19%; sông Cả tại trạm Yên Thượng thấp hơn khoảng 62%, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 41%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 45%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 11%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm; có nơi cao hơn như Trà My (Đà Nẵng) 345mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa cuối tháng 09, dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 37%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ 31%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng dòng chảy trên các sông tăng dần và có xuất hiện dao động với biên độ từ 1-2m. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 52% so với TBNN, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 7%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 9%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 130%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao cao hơn 5% so với TBNN.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 100-200mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Nửa đầu tháng 10, dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 60%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang ở mức thấp hơn 53%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Lưu lượng trên các sông tiếp tục có khả năng xuất hiện dao động và biến đổi theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn ở mức thấp hơn 7% so với TBNN, sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 14% so với TBNN cùng kỳ.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm; có nơi cao hơn như Biên Hòa (Đồng Nai) 435mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa cuối tháng 9, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla (Quảng Ngãi) biến đổi theo xu thế giảm dần và ở mức thấp hơn so với nửa đầu tháng 9; sông Krông Ana (Đăk Lăk) biến đổi theo xu thế tăng dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 85%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 20%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long có xu thế giảm dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 80-160mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San, Srêpôk: Trong nửa đầu tháng 10, lưu lượng dòng chảy trên sông Đăkbla biến đổi ở mức tương đương và tăng so với nửa cuối tháng 9; sông Krông Ana biến đổi theo xu thế giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 79%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 14%. + Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục giảm dần. Trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở cao hơn TBNN 13% và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức thấp hơn TBNN 24%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 16/10/2026.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/10/2026

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	10	<83	20-40	<30-60
	Sơn La	22	<62	20-40	<30-60
	Hòa Bình	229	>108	30-60	<30-60
	Lào Cai	32	<65	20-40	<30-60
	Yên Bái	174	>71	20-40	<30-60
	Tuyên Quang	123	>78	20-40	<30-60
	Hà Giang	68	<31	20-40	<30-60
	Láng	254	>173	20-40	<30-60
	Thái Bình	38	<73	20-40	<30-60
	Nam Định	82	<38	20-40	<30-60
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	73	>16	20-40	<30-60
	Thái Nguyên	108	>37	20-40	<30-60
	Bắc Ninh	49	<51	20-40	<30-60
	Lạng Sơn	11	<85	20-40	<30-60
	Bắc Giang	55	<20	20-40	<30-60
	Hải Dương	79	<19	20-40	<30-60
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	209	>71	20-40	<30-60
	Bái Thượng	338	>172	30-60	<30-60
	Thanh Hóa	301	>91	30-60	<30-60
	Quỳ Châu	250	>119	30-60	<30-60
	Cửa Rào	114	>17	30-60	<30-60
	Đô Lương	168	<15	50-100	<30-60
	Vinh	709	>236	50-100	<30-60
	Hương Sơn	178	<28	100-200	<30-60
	Hương Khê	308	>10	100-200	<30-60
	Hà Tĩnh	340	>33	100-200	<30-60
	Đồng Hới	442	>67	100-200	<30-60
	Quảng Trị	347	>42	100-200	<30-60
	Nam Đông	191	<29	100-200	<30-60
	Huế	303	>23	100-200	<30-60
Lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	178	<18	120-240	<20-40
	Trà My	345	>70	120-240	<20-40
	Ba Tơ	206	>17	120-240	<20-40
	Quảng Ngãi	223	>17	120-240	<20-40
	Quy Nhơn	426	>182	100-200	xấp xỉ

Khu vực	Trạm	Thực đo 15 ngày qua (mm)	So sánh TBNN (%)	Dự báo trong 15 ngày tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
	An Khê	150	>49	80-160	xấp xỉ
	Tuy Hòa	284	>87	100-200	xấp xỉ
	Nha Trang	164	>49	100-200	xấp xỉ
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	96	<40	80-160	xấp xỉ
	Lắk	351	>119	80-160	xấp xỉ
	Buôn Mê Thuột	220	>29	80-160	xấp xỉ
	Biên Hòa	435	>170	80-160	xấp xỉ
	Cần Thơ	153	>23	80-160	xấp xỉ

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 01 đến ngày 15/10/2026

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo	So sánh TBNN	Dự báo	So sánh TBNN
Thao	Yên Bái	W	822	<39	259	<78
Lô	Tuyên Quang	W	314	<76	324	<49
Đà	Hồ Hòa Bình	W	1833	<31	1555	<34
Hồng	Hà Nội	W	3112	<13	2307	<27
Cầu	Gia Bảy	W	134.7	>6	76.3	>16
Lục Nam	Chũ	W	39.9	<71	13	<76
Mã	Cầm Thủy	W	1910	> 77	648	< 19
Cả	Yên Thượng	W	1825	~ TBNN	687	< 62
La	Hòa Duyệt	W	424	> 5	324	< 41
Tả Trách	Thượng Nhật	W	54.8	~ TBNN	68.7	> 11
Thu Bồn	Nông Sơn	W	393	< 37	419	< 60
Trà Khúc	Sơn Giang	W	293	< 31	336	< 53
Ba	Củng Sơn	W	582	>7	583	<7
Cái N,T	Đồng Trăng	W	71.3	>9	84.2	>14
ĐăkBlá	KonTum	W	36.6	< 85%	45.4	< 79%
Srêpôk	Giang Sơn	W	207.4	> 20%	207.4	> 14%
Tiền	Tân Châu	W			30275	> 13
Hậu	Châu Đốc	W			5508	< 24